

Số: 1279 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 4 năm 2018

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ  
phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai  
đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016  
của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2085/QĐ-TTg);

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Công văn số 906/HĐND-VX2 ngày 25/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đồng ý bố trí nguồn ngân sách tỉnh năm 2018 để thực hiện Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017- 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ninh tại Tờ trình số 01/TTr-BDT ngày 02/01/2018,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (có Đề án kèm theo) với các nội dung chủ yếu sau:

### **1. Đối tượng và phạm vi của Đề án**

#### **1.1. Đối tượng**

a) Đối tượng áp dụng chính sách hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) ở các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; hộ nghèo (gồm cả dân tộc Kinh) ở xã khu vực III, thôn, bản (sau đây gọi chung là thôn) đặc biệt khó khăn theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020, có trong danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (cuối năm 2016); sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp; chưa có hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất theo hạn mức đất bình quân chung do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; thiếu nước sinh hoạt; chưa được hưởng các chính sách của nhà nước hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

- Riêng các hộ đã được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 thì không được hưởng chính sách hỗ trợ đất sản xuất và chuyển đổi nghề theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg.

- Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn của tỉnh xác định theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.

b) Đối tượng áp dụng chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi

- Đối tượng chưa có hoặc thiếu đất sản xuất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-UBDT được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội để tạo quỹ đất hoặc chuyển đổi nghề. Đối tượng là hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo ở xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn có phương án sử dụng vốn vay sản xuất kinh doanh được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

- Riêng các hộ đã được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 thì không được hưởng chính sách hỗ trợ vay vốn ưu đãi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, tín dụng ưu đãi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

## **1.2. Phạm vi của Đề án**

a) Phạm vi không gian: 113 xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Phạm vi thời gian: Đề án thực hiện trong giai đoạn 2018 - 2019.

## **2. Mục tiêu của Đề án**

**2.1. Mục tiêu chung:** Hỗ trợ các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn của tỉnh các điều kiện, tư liệu

thiết yếu để ổn định, cải thiện, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi và trong đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước giảm dần khoảng cách chênh lệch về mức sống và các điều kiện phát triển, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản giữa thành thị và nông thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Góp phần thực hiện Đề án nhiệm vụ và giải pháp đưa đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020, thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

### **a) Năm 2018**

- Hỗ trợ trên 80% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn thiếu đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt phân tán thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ trên 80% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn thiếu đất sản xuất thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định 2085/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh có nhu cầu vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Đáp ứng tối thiểu 50% số hộ nghèo có nhu cầu vay vốn và có phương án sử dụng vốn vay để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh theo chính sách quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg.

**b) Năm 2019:** Hỗ trợ cho các hộ còn lại có nhu cầu và phương án sử dụng vốn vay sản xuất kinh doanh được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh theo chính sách quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg.

## **3. Nội dung, định mức, phương án hỗ trợ**

### **3.1. Hỗ trợ đất ở**

a. Mức hỗ trợ: Diện tích đất ở để hỗ trợ cho mỗi hộ gia đình tối thiểu là 60m<sup>2</sup>/hộ và tối đa bằng hạn mức giao đất quy định tại Quyết định số 1768/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc “ban hành Quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở, diện tích đất ở tối thiểu được tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”; việc giao đất ở phải gắn liền với phương án làm nhà ở trên diện tích đất được hỗ trợ, tránh tình trạng các hộ được hỗ trợ đất ở nhưng lại không có nhà ở. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) ưu tiên tạo quỹ đất giao cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo chưa có đất ở.

### **b. Phương án hỗ trợ:**

Tổng số hộ chưa có đất ở thuộc đối tượng thụ hưởng theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh có nhu cầu hỗ trợ về đất ở là 318 hộ, phương án hỗ trợ như sau:

(1) Hỗ trợ trực tiếp bằng đất ở cho 26 hộ từ nguồn quỹ đất hiện có của địa phương và không thu tiền sử dụng đất, diện tích cần hỗ trợ là 0,37 ha.

(2) Hỗ trợ kinh phí để nhận chuyển nhượng về đất ở là 86 hộ, diện tích chuyển nhượng là 1,488 ha; ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa là 1,424 tỷ đồng.

(3) Số hộ đề xuất được hỗ trợ kinh phí để san gạt mặt bằng là 206 hộ, diện tích hỗ trợ là 1,558 ha; ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa là 3,610 tỷ đồng.

Căn cứ diện tích đất còn thiếu của các hộ so với hạn mức quy định, song mức hỗ trợ tối đa từ nguồn vốn của Đề án cho các hộ tại xã khu vực I, II không quá 10 triệu đồng/hộ; xã khu vực III không quá 20 triệu đồng/hộ; Các thôn bản giáp biên giới mức hỗ trợ tối đa không quá 32 triệu đồng/hộ cho các hộ thuộc mục diện được hỗ trợ tại Điểm (2) và (3) Phần b Mục 3.1 này.

### **3.2. Hỗ trợ đất sản xuất**

a. Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ cho mỗi hộ căn cứ theo mức bình quân chung và tùy thuộc vào khả năng quỹ đất hiện còn của địa phương, nhưng tối thiểu là 0,25 ha đất ruộng lúa nước 1 vụ hoặc 0,15 ha đất ruộng lúa nước 2 vụ hoặc 0,5 ha đất nương, rẫy hoặc 0,5 ha đất nuôi, trồng thủy sản; diện tích giao đất trồng rừng sản xuất tối thiểu là 01 ha/hộ và tối đa không được vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp cho mỗi hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật về đất đai.

#### **b. Phương án hỗ trợ:**

Tổng số hộ thiếu đất sản xuất có nhu cầu hỗ trợ là 799 hộ, phương án hỗ trợ như sau:

(1) Hỗ trợ đất lâm nghiệp: Tổng số hộ thiếu đất dự kiến sẽ được hỗ trợ đất lâm nghiệp là 67 hộ, diện tích hỗ trợ là 67,0 ha, Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh là 0,495 tỷ đồng; hỗ trợ vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội là 1,55 tỷ đồng. Trong đó:

- Hỗ trợ trực tiếp bằng đất lâm nghiệp cho 34 hộ chưa có đất sản xuất, diện tích hỗ trợ là 34,0 ha từ nguồn quỹ đất lâm nghiệp hiện có của địa phương. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thực hiện giao đất hỗ trợ cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách chưa có đất sản xuất hoặc thiếu đất sản xuất theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg, Thông tư số 02/2017/TT-UBND và các quy định của pháp luật về đất đai.

- Hỗ trợ chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho 33 hộ. Diện tích hỗ trợ là 33,0 ha. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh là 0,495 tỷ đồng; hỗ trợ vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội là 1,55 tỷ đồng. Căn cứ diện tích đất còn thiếu của các hộ so với hạn mức quy định, song mức hỗ trợ tối đa không quá 15 triệu đồng/hộ.

(2) Hỗ trợ đất nông nghiệp: Tổng số hộ thiếu đất dự kiến sẽ được hỗ trợ đất nông nghiệp là 37 hộ, diện tích hỗ trợ là 5,71 ha, Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh là 0,343 tỷ đồng; hỗ trợ vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội là 1,1 tỷ đồng; Căn cứ diện tích đất còn thiếu của các hộ so với hạn mức quy định, song mức hỗ trợ tối đa không quá 15 triệu đồng/hộ. Trong đó:

- Hỗ trợ khai hoang, phục hóa, cải tạo đất cho 22 hộ, diện tích hỗ trợ là 2,24 ha, Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh là 0,134 tỷ đồng; hỗ trợ vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội là 1,1 tỷ đồng.

- Hỗ trợ chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp cho 15 hộ (bao gồm 13 hộ chưa có đất sản xuất và 02 hộ thiếu đất sản xuất). Diện tích hỗ trợ là 3,47 ha. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh là 0,208 tỷ đồng.

(3) Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 695 hộ thiếu đất sản xuất, trong đó:

- Hỗ trợ cho 301 hộ chuyển đổi nghề sang chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

- Hỗ trợ cho 394 hộ mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và chế biến nông lâm sản.

Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh là 4,17 tỷ đồng, hỗ trợ vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội là 16,0 tỷ đồng; mức hỗ trợ tối đa không quá 06 triệu đồng/hộ.

### **3.3. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán**

a. Mức hỗ trợ:

- Đối với hộ gia đình: Mức hỗ trợ tối đa 3,0 triệu đồng/hộ (cao gấp 02 lần mức của Trung ương).

- Đối với nhóm hộ: Hỗ trợ theo từng công trình cụ thể và số hộ thụ hưởng trong nhóm, trong đó tổng mức hỗ trợ cho một công trình không vượt quá hạn mức bình quân 3,0 triệu đồng/hộ, nhân với số hộ trong nhóm được thụ hưởng.

b. Phương án hỗ trợ: Tổng số hộ thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh có nhu cầu hỗ trợ 2.693 hộ, nhu cầu kinh phí hỗ trợ 8,079 tỷ đồng; trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ là 8,079 tỷ đồng.

### **3.4. Hỗ trợ vốn vay ưu đãi để phát triển sản xuất kinh doanh**

a. Mức hỗ trợ: Hạn mức vay vốn để sản xuất kinh doanh tối đa không quá mức tối đa áp dụng đối với hộ nghèo trong từng thời điểm cho vay vốn (mức cho vay tối đa tại thời điểm phê duyệt Đề án này là 50 triệu đồng/hộ).

b. Phương án hỗ trợ: Tổng số hộ có nhu cầu vay vốn ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội để sản xuất kinh doanh là: 1.983 hộ; nhu cầu vốn 96,938 tỷ đồng; mức vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội không quá 50 triệu đồng/hộ.

## **4. Nguyên tắc thực hiện**

4.1. Hỗ trợ trực tiếp đến hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; bảo đảm công khai minh bạch, đúng đối tượng.

4.2. Các hộ được hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt phải sử dụng đúng mục đích để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống góp phần giảm nghèo bền vững; không được chuyển nhượng, tặng, cho, cầm cố, cho thuê đất ở, đất sản xuất trong thời gian 10 năm, kể từ ngày được Nhà nước giao đất.

4.3. Ưu tiên thực hiện chính sách trước đối với các hộ thuộc gia đình chính sách, hộ nghèo đặc biệt khó khăn và địa bàn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

## **5. Kinh phí thực hiện**

**5.1. Tổng nhu cầu vốn:** 134,223 tỷ đồng.

Trong đó:

Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 18,635 tỷ đồng;

Vốn vay Ngân hàng chính sách xã hội: 115,588 tỷ đồng;

### **5.2. Phân kỳ vốn thực hiện Đề án:**

- Năm 2018: 85,916 tỷ đồng;

Trong đó: + Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh 2018: 18,635 tỷ đồng;

+ Vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội 67,281 tỷ đồng.

- Năm 2019: 48,307 tỷ đồng;

Trong đó: + Vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội: 48,307 tỷ đồng.

## **6. Giải pháp thực hiện Đề án**

### **6.1. Công tác chỉ đạo**

- Phát huy vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở trong chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện Đề án.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên từ cơ sở với nhiệm vụ thực hiện Đề án và vai trò chủ động, tích cực trong tham gia thực hiện Đề án của người dân, trực tiếp là các hộ thuộc diện thụ hưởng chính sách theo Đề án, chống tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và tư tưởng “không muốn thoát nghèo”.

- Ban Dân tộc tỉnh và cơ quan công tác dân tộc cấp huyện là cơ quan thường trực tham mưu cho cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp trong công tác triển khai thực hiện Đề án. Riêng cấp xã giao Ban Chỉ đạo giảm nghèo và Chủ tịch (hoặc 01 Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) trực tiếp chỉ đạo thực hiện Đề án, giao cán bộ Văn phòng - Thống kê phối hợp với các bộ phận chuyên môn liên quan tham mưu triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn.

- Định kỳ và thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Đề án; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; phát hiện và giải quyết kịp thời những hạn chế, tránh sai phạm trong quá trình triển khai thực hiện Đề án từ cơ sở.

### **6.2. Công tác thông tin, tuyên truyền**

- Thực hiện công khai dân chủ trong thực hiện Đề án ở tất cả các cấp, nhất là ở xã, thôn, bản bằng nhiều hình thức: Thông tin đại chúng, thông qua sinh hoạt của tổ chức trong Đảng, Hội đồng nhân dân, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân để thông báo công khai cho cán bộ, đảng viên và nhân dân được biết, được bàn, được kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án.

- Tuyên truyền, vận động các hộ dân thuộc diện thụ hưởng chính sách chủ động, tích cực trong thực hiện Đề án; xây dựng và kịp thời phát hiện, nhân

rộng các tập thể, cá nhân điển hình trong triển khai, thực hiện Đề án. Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền, vận động thực hiện Đề án.

- Xây dựng phóng sự, tin, bài, phát huy hiệu quả hoạt động của các cụm loa truyền thanh xã, khu phố, thôn, bản tuyên truyền về tiến độ và kết quả triển khai thực hiện Đề án.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể ở các cấp trong tuyên truyền, phổ biến chính sách và triển khai thực hiện Đề án đến cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân, tạo sự đồng thuận, quyết tâm, thực hiện tốt vai trò giám sát trong thực hiện Đề án.

### **6.3. Về nguồn vốn và phân bổ vốn thực hiện đề án**

#### **a. Về nguồn vốn**

- Ngân sách tỉnh bố trí từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2018 để thực hiện Đề án theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, tổng số tiền 18,635 tỷ đồng.

- Đối với nguồn vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội: Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương bố trí theo đúng quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg và Thông tư số 02/2017/TT-UBDT. Trường hợp nguồn vốn Trung ương bố trí không đủ vốn theo Đề án của tỉnh (67,281 tỷ đồng), tham mưu cho UBND tỉnh bố trí bổ sung từ ngân sách tỉnh để ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay theo Đề án được duyệt.

- Ngoài các nguồn vốn trên, các địa phương chủ động huy động, lồng ghép các nguồn vốn khác có cùng mục tiêu, vốn xã hội hóa từ cộng đồng và người dân để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án.

#### **b. Về phân bổ và thực hiện kế hoạch**

- Bố trí kế hoạch hàng năm theo phân kỳ đầu tư, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên hỗ trợ về đất sản xuất, nước sinh hoạt làm trước, ưu tiên hộ khó khăn hơn hỗ trợ trước. Đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung chính sách và kế hoạch theo Đề án được phê duyệt;

- Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn cho cấp huyện theo từng nội dung hỗ trợ theo Đề án được phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc tỉnh và các Sở, ngành, địa phương liên quan. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ kế hoạch UBND tỉnh giao để Quyết định phân bổ và thông báo chi tiết số hộ, nội dung hỗ trợ cho từng xã (phường, thị trấn); phê duyệt danh sách hộ, nội dung, định mức hỗ trợ cho từng hộ và giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư các nội dung hỗ trợ thuộc Đề án.

## **7. Tổ chức thực hiện**

### **7.1. Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh giao**

**7.1.1. Ban Dân tộc tỉnh:** Là cơ quan thường trực Đề án, có nhiệm vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án cấp tỉnh và chỉ đạo việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án cấp huyện;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu phân bổ nguồn vốn ngân sách, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội tham mưu bố trí nguồn vốn vay ưu đãi để thực hiện Đề án; phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể, địa phương liên quan tham mưu huy động các nguồn lực hỗ trợ theo nội dung Đề án;

- Tham mưu chỉ đạo thực hiện hoàn thành Đề án gắn với thực hiện Đề án “Nhiệm vụ và giải pháp đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh” và các Đề án chương trình, chính sách khác có cùng mục tiêu trên địa bàn thuộc trách nhiệm tham mưu của Ban Dân tộc tỉnh;

- Hướng dẫn các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chế độ thông tin, báo cáo. Tham mưu UBND tỉnh đánh giá hàng năm việc thực hiện Đề án, tổng kết Đề án vào năm 2019.

*7.1.2. Sở Tài chính:* Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh tham mưu việc bố trí vốn từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2018 để thực hiện Đề án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh. Hướng dẫn lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh quyết toán nguồn vốn Ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án.

*7.1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:* Phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh tham mưu cân đối, bố trí vốn ngân sách tỉnh để thực hiện Đề án. Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện lồng ghép các nguồn vốn có chung mục tiêu để thực hiện Đề án.

#### *7.1.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các địa phương rà soát, nắm bắt tình hình quản lý, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn các xã; tiếp tục phối hợp tham mưu xây dựng và chỉ đạo thực hiện Đề án giao đất, giao rừng cho nhân dân gắn với các nội dung cụ thể của Đề án này.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn thực hiện việc hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, hỗ trợ vốn vay tín dụng ưu đãi theo Đề án này gắn với thực hiện các quy hoạch, đề án, dự án phát triển sản xuất tại các địa phương trong tỉnh.

- Tham mưu chỉ đạo việc hỗ trợ nước sinh hoạt cho các hộ dân thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh cho các hộ dân trên địa bàn; tham mưu chỉ đạo việc chuyển đổi rừng sản xuất sang rừng phòng hộ để đảm bảo nguồn sinh thủy cho các hồ đa dụng trên địa bàn tỉnh.

#### *7.1.5. Sở Tài nguyên và Môi trường*

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các địa phương liên quan tham mưu thực hiện các nội dung hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất theo đúng quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong trường hợp cần phải sửa đổi, bổ sung quy định về mức giao đất ở, đất sản xuất cho phù hợp với thực tiễn thì Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương liên quan tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết cụ thể.



- Trường hợp có vướng mắc trong công tác đo đạc, giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng thụ hưởng chính sách theo Đề án này thì hướng dẫn các địa phương thực hiện.

**7.1.6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:** Chủ trì, hướng dẫn các địa phương xác định đúng đối tượng hộ nghèo thuộc diện thụ hưởng chính sách theo Đề án. Tham mưu, hướng dẫn công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp đối với những hộ dân được hỗ trợ chuyển đổi nghề thuộc Đề án. Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan lồng ghép việc thực hiện Đề án với việc thực hiện có hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

**7.1.7. Sở Xây dựng:** Tham mưu thực hiện các chính sách hỗ trợ về nhà ở gắn với thực hiện chính sách hỗ trợ về đất ở đối với các hộ dân thuộc Đề án.

**7.1.8. Ban Xây dựng nông thôn mới tỉnh:** Tham mưu thực hiện các nội dung có liên quan của Đề án này gắn với thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và Đề án “Mỗi xã, phường một sản phẩm tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2017 - 2020”.

**7.1.9. Sở Thông tin và Truyền thông:** Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện có hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền về tiến độ và kết quả triển khai thực hiện Đề án.

**7.1.10. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:** Căn cứ nhu cầu vay vốn tại Đề án đã được phê duyệt, tham mưu báo cáo, đề xuất Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương bố trí vốn vay ưu đãi để thực hiện Đề án. Hướng dẫn quy trình, thủ tục và phối hợp với các Sở, ngành, các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện cho vay đối với các đối tượng thụ hưởng chính sách thuộc Đề án theo đúng lộ trình đã đề ra.

**7.1.11. Các Sở, ngành liên quan:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các Sở, ngành, đơn vị liên quan trong triển khai, tổ chức thực hiện Đề án. Các ngành và cơ quan truyền thông thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về việc triển khai, thực hiện Đề án.

**7.1.12. Đề nghị Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:** Chủ động, tích cực tuyên truyền về Đề án đến các tổ chức đoàn thể cấp dưới, đến đoàn viên, hội viên và nhân dân, nhất là các đối tượng thụ hưởng chính sách thuộc Đề án. Thực hiện công tác giám sát thực hiện Đề án; tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng, tích cực đóng góp, tham gia thực hiện Đề án.

## **7.2. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

- Cụ thể hóa, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án; căn cứ tình hình, yêu cầu thực tế để thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án cấp huyện hoặc giao Ban Chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện Đề án trên địa bàn.

- Phê duyệt Đề án của cấp xã; phê duyệt danh sách hỗ trợ và chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện đầy đủ các chính sách theo Đề án đã được phê duyệt, đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đúng nội dung chính sách và đúng lộ trình đề ra.

- Lập kế hoạch hàng năm; thực hiện việc quản lý, cấp phát, thanh toán và thẩm định, quyết toán kinh phí thực hiện Đề án theo quy định hiện hành.

- Bố trí lồng ghép nguồn vốn từ ngân sách huyện, xã, nguồn lực xã hội hóa và các nguồn vốn khác có cùng mục tiêu để thực hiện hoàn thành mục tiêu, các nội dung Đề án đã được phê duyệt.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị tại địa phương; huy động sự vào cuộc của nhân dân, nhất là các hộ thuộc diện thụ hưởng chính sách trong thực hiện Đề án.

- Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành liên quan trong công tác triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung Đề án từ cơ sở. Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện Đề án (báo cáo quý, báo cáo năm và báo cáo tổng kết Đề án) về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp).

### **7.3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã**

- Xây dựng Đề án của cấp xã trình UBND cấp huyện phê duyệt (những xã có ít đối tượng thụ hưởng, tính chất không phức tạp thì không nhất thiết phải xây dựng Đề án nhưng phải xây dựng kế hoạch để thực hiện). Xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức thực hiện; trực tiếp chịu trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung Đề án trên địa bàn xã.

- Giao Ban Chỉ đạo giảm nghèo và Chủ tịch (hoặc 01 Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) trực tiếp chỉ đạo thực hiện Đề án, giao các bộ phận chuyên môn liên quan tham mưu triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn.

- Thực hiện chức năng chủ đầu tư thực hiện chính sách theo Đề án được phê duyệt tại cơ sở theo phân cấp hoặc ủy quyền; lựa chọn bình xét, lập danh sách chi tiết các hộ đề nghị hỗ trợ, tổ chức thực hiện chính sách tại địa bàn.

- Hàng năm lập kế hoạch hỗ trợ cho từng hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách theo Đề án được phê duyệt; tổ chức quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ đúng mục đích, đối tượng, đạt hiệu quả.

- Tổ chức tốt việc tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn, nhất là các hộ thuộc diện thụ hưởng chính sách tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện Đề án. Từng xã, thôn, bản, khu phố cần huy động lực lượng từ các tổ chức, đoàn thể tham gia thực hiện Đề án.

- Thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện; phát hiện những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Đề án tại địa phương để kịp thời giải quyết, kiến nghị giải quyết theo đúng quy trình, quy định. Thực hiện sơ, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện Đề án theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu vướng mắc, các yêu cầu và nhiệm vụ cần điều chỉnh, các địa phương, đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, chỉ đạo, giải quyết.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh

Quảng Ninh, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (B/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy;
- Như điều 3 (thực hiện);
- Công TTĐT VP UBND tỉnh;
- V0-5, NLN1-3, QLĐĐ, TM, VX;
- Lưu: VT, NLN3 (15b, QĐ03).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature)*

**Vũ Thị Thu Thủy**